

Quản lý, bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ có sự tham gia của cộng đồng

Nguyễn Thu Trang*, Ngô Quang Hưng, Lại Thị Thu Hà, Đỗ Văn Dũng, Phạm Thị Bích Phượng
Trường Đại học Lâm nghiệp

Community-based management and conservation of landscape architectural in ancient villages

Nguyen Thu Trang*, Ngo Quang Hung, Lai Thi Thu Ha, Do Van Dung, Pham Thi Bich Phuong
Vietnam National University of Forestry

*Corresponding author: trangnt2@vnuf.edu.vn

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.15.2.2026.113-120>

TÓM TẮT

Cảnh quan làng cổ là một loại hình cảnh quan văn hóa đặc thù, kết tinh từ lịch sử cư trú, sản xuất và tổ chức xã hội của cộng đồng. Không gian kiến trúc cảnh quan của làng cổ gắn chặt với môi trường tự nhiên, hệ thống sản xuất truyền thống, tín ngưỡng và đời sống thường nhật. Bảo tồn cảnh quan làng cổ trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi một mô hình quản lý dựa trên sự tham gia thực chất của cộng đồng – những chủ thể trực tiếp sáng tạo, duy trì và phát huy giá trị di sản. Tiếp cận bảo tồn có sự tham gia cộng đồng đã được chứng minh là phù hợp với các dạng cảnh quan văn hóa sống, nơi mà giá trị cảnh quan không chỉ nằm ở yếu tố vật thể mà còn thể hiện trong đời sống, tập quán và sinh kế của cư dân. Bài báo này tổng hợp các nghiên cứu điển hình ở các quốc gia châu Âu, châu Á và trong nước liên quan đến bảo tồn cảnh quan làng cổ có sự tham gia của cộng đồng và mô hình đồng quản lý. Trên cơ sở phân tích so sánh các mô hình tại Nhật Bản, Trung Quốc, Romania, Úc và các bài học kinh nghiệm ở Việt Nam, bài viết đề xuất định hướng công tác quản lý cảnh quan làng cổ Việt Nam có sự tham gia cộng đồng, đồng quản lý gắn bảo tồn với sinh kế cộng đồng đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn – phát triển bền vững.

ABSTRACT

Ancient village landscapes represent a distinctive type of cultural landscape, crystallized from the community's historical patterns of settlement, production, and social organization. The architectural-landscape space of ancient villages is closely tied to the natural environment, traditional production systems, local belief practices, and everyday life. Conserving ancient village landscapes in the contemporary context requires a management model grounded in genuine community participation—where community members are the direct creators, custodians, and transmitters of heritage values. Community-based conservation approaches have been proven effective for living cultural landscapes, in which values are embodied not only in physical elements but also in local life, customs, and livelihoods [1]. This article synthesizes typical studies from European, Asian, and Vietnamese contexts on community-participatory conservation and co-management models for ancient village landscapes. Based on comparative analysis of models in Japan, China, Romania, Australia, and lessons learned from Vietnam, the paper proposes directions for managing ancient village landscapes in Vietnam through participatory and co-management approaches that link conservation with community livelihoods to ensure harmony between heritage preservation and sustainable development.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 21/10/2025

Ngày phản biện: 24/11/2025

Ngày quyết định đăng: 29/12/2025

Từ khóa:

Bảo tồn cảnh quan, cộng đồng, đồng quản lý, làng cổ.

Keywords:

Ancient village, community, co-management, landscape conservation.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các làng cổ truyền thống với hệ thống kiến trúc bản địa, cấu trúc không gian đặc trưng và

cảnh quan nhân văn – tự nhiên hài hòa, là kho tàng di sản độc đáo của nhân loại [1, 2]. Cảnh quan làng cổ Việt Nam gắn với cấu trúc không

gian truyền thống, kết tinh từ lịch sử cư trú, sản xuất, tín ngưỡng và mối quan hệ mật thiết giữa con người – thiên nhiên. Cảnh quan làng cổ không chỉ gồm các yếu tố kiến trúc (đình, chùa, cổng làng, nhà cổ) mà còn bao gồm cảnh quan nông nghiệp (ruộng lúa, ao hồ, vườn tược), cảnh quan sinh thái và cảnh quan gắn với thực hành văn hóa. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế – xã hội, quá trình đô thị hóa, thương mại hóa du lịch, chuyển đổi sinh kế đang tạo ra những áp lực mạnh lên cấu trúc làng cổ, đặt ra những thách thức lớn đối với việc duy trì tính xác thực và toàn vẹn của cảnh quan làng cổ [3-5]. Nhiều làng cổ dần mất đi sự nguyên gốc và tính sống động do cộng đồng địa phương không còn giữ vai trò trung tâm trong quá trình bảo tồn và quản lý.

Nhiều nghiên cứu quốc tế khẳng định rằng bảo tồn chỉ thành công khi cộng đồng địa phương được trao quyền, tham gia vào quá trình ra quyết định và hưởng lợi trực tiếp từ di sản [4, 6]. Nghiên cứu quốc tế ghi nhận rằng các mô hình bảo tồn thành công tại các làng cổ Shirakawa-gō (Nhật Bản) [7], Viscri (Romania)[4], Budj Bim (Úc) [8, 9], Dongxi, Dangjia, Liukeng... (Trung Quốc) [9-11] đều dựa trên nguyên tắc: cộng đồng là chủ thể quản lý di sản đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì tính sống động của cảnh quan, còn chính quyền đóng vai trò hỗ trợ. Trong khi đó ở Việt Nam, các nghiên cứu cho thấy mặc dù cộng đồng có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa – xã hội tuy nhiên vai trò cộng đồng trong bảo tồn và quản lý cảnh quan làng cổ vẫn chưa được rõ ràng, chủ yếu dừng ở mức tham gia lễ hội hoặc hoạt động văn hóa – xã hội, chưa tham gia vào cơ chế quản lý và ra quyết định, cũng như các nghiên cứu còn nghiên cứu đơn lẻ các khía cạnh về sự tham gia của cộng đồng [12-14]. Do đó, việc nghiên cứu mô hình quản lý, bảo tồn cảnh quan làng cổ dựa vào cộng đồng là hết sức cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp cho bài báo bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ bao gồm việc nghiên cứu và tổng hợp tài liệu học thuật như các bài báo, các sách chuyên môn, các đề tài nghiên cứu, báo cáo từ các tổ chức và dự án; các dữ liệu thu thập từ các nguồn

đáng tin cậy (MDPI, Scopus, Web of Science, Google Scholar, tạp chí chuyên ngành, báo cáo, tài liệu của UNESCO và các tổ chức chính phủ các nước).

- Phân tích và tổng hợp thông tin: Sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp để kết hợp các kết quả từ nhiều nghiên cứu khác nhau, so sánh và đối chiếu để rút ra kết luận về bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ. Nguồn tư liệu gồm hơn 20 công trình khoa học quốc tế và các nghiên cứu thực địa tại các quốc gia có kinh nghiệm quản lý di sản làng cổ như: Úc, Ý, Trung Quốc và Nhật Bản... Các trường hợp được chọn phân tích gồm 3 quốc gia điển hình ở châu Âu gồm Edinburgh (Anh), Porto (Bồ Đào Nha), Florence (Ý); các làng cổ Liukeng, Dongxi, Tangfang, Dangjia, Xidi, Hongcun ở Trung Quốc và làng cổ Shirakawa-gō ở Nhật Bản, Budj Bim ở Úc... Phân tích nội dung tập trung vào vai trò của cộng đồng gắn bảo tồn với phát triển sinh kế cho cộng đồng, đồng quản lý. Kết quả được đối sánh để rút ra các đặc trưng cần bảo tồn cảnh quan làng cổ và điều kiện áp dụng cho bối cảnh Việt Nam.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cảnh quan văn hóa và giá trị cảnh quan của làng cổ

3.1.1. Cảnh quan văn hoá làng cổ

UNESCO (2011) các học giả như Taylor (2014), Aimar (2024) cho rằng cảnh quan văn hóa là sản phẩm của sự tương tác lâu dài giữa con người – tự nhiên, trong thời gian dài, tạo nên những cấu trúc không gian vừa mang tính lịch sử, thẩm mỹ, xã hội, vừa phản ánh các hệ tri thức bản địa tích lũy qua nhiều thế hệ [1, 2, 15]. Làng cổ thuộc nhóm cảnh quan văn hóa sống, nơi cộng đồng vẫn cư trú, sản xuất, gìn giữ di sản như một phần của đời sống hằng ngày (Aimar, 2024) [2].

Đặc trưng của cảnh quan văn hóa làng cổ: (1) Không gian kiến trúc truyền thống: nhà cổ, ngõ xóm, đình – chùa – miếu; (2) Không gian sản xuất, làng nghề; (3) Không gian sinh hoạt cộng đồng: lễ hội, chợ, sân đình; (4) Không gian tín ngưỡng – tâm linh: đình, đền, miếu, cây đa, giếng cổ... Những thành tố này tạo nên cấu trúc cảnh quan đặc thù của các làng cổ Việt Nam như Đường Lâm, Phong Nam, Phú Hội, Phước

Tích [12, 16, 17].

3.1.2. Giá trị cảnh quan làng cổ

Cảnh quan làng cổ mang trong mình giá trị to lớn về nhiều mặt lịch sử, bản sắc văn hóa – tâm linh, cộng đồng, sinh thái và kinh tế, là cầu nối sống động với lịch sử nông nghiệp và bản sắc văn hóa. Các làng cổ là minh chứng cho sự phát triển của văn hóa, lịch sử dân tộc, nơi lưu giữ kiến trúc độc đáo qua từng thời kỳ. Giá trị này không chỉ thể hiện ở công trình vật thể mà còn ở không gian sống, sinh hoạt của cộng đồng, giúp phát triển kinh tế địa phương thông qua du lịch. Những giá trị này khiến các làng cổ trở thành những di sản sống cần được bảo tồn.

(1) Giá trị lịch sử – tiến hóa cư trú

Làng cổ phản ánh lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng trong mối quan hệ thích ứng với môi trường tự nhiên. Các cấu trúc như trục đường chính, ngõ xóm, vị trí đình – chùa – miếu, giếng làng, hay hệ thống thủy lợi truyền thống được duy trì qua hàng trăm năm, thể hiện tri thức bản địa trong tổ chức không gian cư trú. Những ví dụ tiêu biểu như Xidi và Hongcun ở Trung Quốc, nơi mô hình thủy lợi – phong thủy được thiết lập từ thế kỷ XI [18].

Tại Việt Nam, các làng cổ như Đường Lâm, Phú Hội hay Phước Tích cũng lưu giữ hệ thống đường làng ngõ xóm – không gian cộng đồng gần như nguyên vẹn so với cấu trúc gốc [14, 16, 17, 19].

(2) Giá trị nhận diện – bản sắc

Kiến trúc cảnh quan của làng cổ được thể hiện thông qua vật liệu truyền thống, kỹ thuật xây dựng dân gian, hình thái nhà ở, hàng rào, sân vườn, cây cổ thụ và cảnh quan nông nghiệp theo văn kiện quốc tế khác như “*Văn Kiện Nara về tính xác thực*” (*The Nara Document on Authenticity*) năm 1994 [20]. Mỗi làng cổ có những bản sắc riêng, thể hiện qua vật liệu bản địa (đá ong, gỗ lim, đất sét...), cấu trúc làng, các tập quán... nhà Gassho-zukuri ở Shirakawa-go (Nhật Bản) với mái dốc lớn thích ứng khí hậu tuyết [7]; hay nhà đất vàng ở Dangjia (Trung Quốc) với cấu trúc nửa đóng – nửa mở [9]. Tại Việt Nam, nhà cổ Đường Lâm với chất liệu đá ong, kết cấu vì kèo truyền thống và sân gạch lát nghiêng ở đường làng ngõ xóm [17], hay kiến trúc nhà rường ở Phước Tích [14, 19], tạo nên

ngôn ngữ thẩm mỹ mang tính vùng miền rõ rệt.

(3) Giá trị xã hội – cộng đồng

Làng cổ là không gian của các quan hệ xã hội truyền thống, nơi các thiết chế cộng đồng như đình, chợ, giếng, điểm canh đóng vai trò kết nối cư dân. Hệ thống lễ hội, tín ngưỡng, các nghi thức nông nghiệp, hay quan hệ họ tộc đã góp phần tạo nên tính gắn kết cộng đồng – yếu tố cốt lõi giúp duy trì tính liên tục văn hóa. UNESCO (2013) [6] và Burra Charter (2013) [21] đều nhấn mạnh rằng tính xác thực của di sản không chỉ nằm ở vật thể, mà còn ở tính liên tục văn hóa và sự tham gia của cộng đồng.

(4) Giá trị văn hóa phi vật thể và tri thức bản địa

Nhiều làng cổ gắn với nghề thủ công, tri thức nông nghiệp, tập quán canh tác và hệ thống quản lý nguồn nước truyền thống. Ở Trung Quốc, nghiên cứu của Li và cộng sự (2024) [22] cho thấy cảnh quan làng cổ Tangfang được định hình bởi vòng tuần hoàn lao động nông nghiệp, khiến cảnh quan sống động và liên tục được “tái tạo” trong đời sống cư dân.

Tại Việt Nam, các làng như Phong Nam hay Phước Tích gắn với nghề gốm, nghề mộc, nghề làm bánh, tạo nên giá trị phi vật thể phong phú, góp phần định hình cấu trúc không gian làng [13].

(5) Giá trị sinh thái – môi trường

Làng cổ thường gắn với hệ sinh thái nông nghiệp truyền thống: ao, vườn, ruộng, đồi góp phần tạo cân bằng sinh thái và đa dạng cảnh quan. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy mô hình cảnh quan nông nghiệp truyền thống tại các làng như Viscri (Romania) [4] hay Budj Bim (Úc) [8] đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học và cấu trúc cảnh quan tự nhiên.

(6) Giá trị kinh tế – du lịch bền vững

Làng cổ, nếu được quản lý tốt, có thể tạo ra nguồn thu bền vững từ du lịch văn hóa – trải nghiệm. Mô hình như làng cổ Viscri (Romania) [4] đã chứng minh rằng bảo tồn kiến trúc truyền thống gắn với du lịch cộng đồng tạo ra chuỗi giá trị bền vững, trong đó lợi ích kinh tế quay trở lại phục vụ cộng đồng và công tác bảo tồn [4].

Như vậy, giá trị cảnh quan của làng cổ là tổng hòa của nhiều lớp: tự nhiên, kiến trúc, văn hóa, xã hội, sinh thái và kinh tế. Đây là dạng di

sản phức hợp, có tính động, trong đó cộng đồng cư dân vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là nhân tố duy trì và tái tạo cảnh quan. Việc nhận diện đầy đủ các giá trị này là nền tảng cho quản lý, bảo tồn – phát triển làng cổ theo tiếp cận HUL và mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng.

3.2. Các mô hình bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ có sự tham gia cộng đồng trên thế giới và Việt Nam

3.2.1. Khung lý thuyết Cảnh quan đô thị lịch sử (Historic Urban Landscape - HUL) trong quản lý di sản

Cảnh quan đô thị lịch sử (Historic Urban Landscape - HUL) được UNESCO chính thức giới thiệu trong Tuyên bố năm 2011 như một khung lý luận tích hợp nhằm bảo tồn các khu vực di sản trong bối cảnh đô thị hóa và hiện đại hóa. Theo UNESCO (2011) [1] HUL không chỉ tập trung vào các yếu tố vật thể như kiến trúc, không gian công cộng, di tích, mà xem xét tổng thể nhấn mạnh bối cảnh lịch sử - văn hóa tích tụ qua thời gian. Cách tiếp cận HUL nhấn mạnh việc tích hợp bảo tồn vào quy hoạch và phát triển bền vững, thay vì tách biệt hai lĩnh vực này. Bốn nhóm nguyên tắc cốt lõi được xác định gồm: (1) Bảo tồn tích hợp với quy hoạch phát triển đô thị; (2) Tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương; (3) Ứng dụng công cụ phân tích không gian, công nghệ và cơ chế tài chính để hỗ trợ quản lý; (4) Bảo tồn không chỉ giá trị vật thể mà còn cả các giá trị sống động của cộng đồng và cảnh quan. Đây là một sự chuyển đổi quan trọng từ mô hình bảo tồn truyền thống sang mô hình quản trị tổng hợp mang tính động [1].

Trong các nghiên cứu tại Trung Quốc, mô hình HUL được áp dụng thành công tại làng Tangfang với việc xem xét di sản dưới lăng kính đời sống hàng ngày của người dân địa phương. Giá trị cảnh quan không chỉ được định nghĩa bởi yếu tố vật chất (như kiến trúc cổ, cấu trúc không gian), mà còn bởi yếu tố tinh thần văn hoá, chức năng và cộng đồng sử dụng [22]. Phương pháp này đề cao sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch bảo tồn, từ đó duy trì sự sống động và bền vững của cảnh quan làng cổ. Theo Bandarin & van Oers (2012), tiếp cận HUL đặt trọng tâm vào ba nguyên tắc chính trong đó

cũng tập trung vào vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản: (1) Tích hợp bảo tồn phát triển và bảo tồn các giá trị sống – yếu tố động; (2) Tăng cường vai trò cộng đồng và gắn kết di sản vật thể với phi vật thể; (3) Ứng dụng công nghệ và công cụ phân tích không gian [3, 15].

Nghiên cứu tại 3 đô thị di sản 3 nước điển hình tại Florence (Ý), Edinburgh (Anh) và Porto (Bồ Đào Nha) đều áp dụng phương pháp Cảnh quan đô thị lịch sử – HUL, trong đó nhấn mạnh sự tham gia của cộng đồng như một thành tố cốt lõi của quản lý di sản. Ở Florence, cộng đồng tham gia vào giai đoạn khảo sát và đóng góp ý tưởng cho các dự án chiến lược thông qua khảo sát, hội thảo và tham vấn công khai. Edinburgh là trường hợp nổi bật nhất với một quy trình tham vấn mở rộng, nơi cư dân, doanh nghiệp, nhóm lợi ích đặc thù và chuyên gia cùng tham gia thiết kế mục tiêu quản lý, xây dựng kế hoạch hành động và giám sát thực hiện. Tại Porto, cộng đồng được lồng ghép thông qua các hoạt động truyền thông, giáo dục, chương trình phục hồi đô thị và các dự án như “Ngân hàng vật liệu” (“Bank of Materials”). Dự án này giúp nâng cao nhận thức về việc bảo tồn “những vật phẩm quý hiếm và cổ xưa nhất”, cũng như vật liệu xây dựng và trang trí...” đồng thời kết nối người dân vào việc bảo tồn các giá trị gốc của di sản. Cả ba thành phố đều khẳng định rằng sự tham gia của cộng đồng giúp nâng cao tính bền vững, tạo đồng thuận xã hội và hỗ trợ quản lý đa ngành [23].

3.2.2. Các mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan làng cổ có sự tham gia của cộng đồng trên thế giới và Việt Nam

Trên thế giới

(1) *Mô hình quản lý, bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ dựa trên khung lý thuyết HUL kết hợp mô hình du lịch cộng đồng*

Kinh nghiệm quản lý cảnh quan ở Trung Quốc cho thấy xu hướng chuyển từ bảo tồn vật thể sang quản lý tổng hợp theo tiếp cận Cảnh quan đô thị lịch sử (HUL) của UNESCO. Các địa phương như Tangfang, Dongxi, Xidi – Hongcun, Liukeng hay Dangjia đã áp dụng quản lý biến đổi cảnh quan có kiểm soát thay vì “đóng băng” di sản [9-11, 18, 22]. Sự tham gia của cộng đồng được xác định là 1 trong bốn công cụ chính để

quản lý cảnh quan tại khu vực này. Việc bảo tồn gắn chặt với sinh hoạt thường nhật giúp duy trì giá trị sống động. Đồng thời, phát triển du lịch văn hóa được lồng ghép để tạo nguồn lực kinh tế cho bảo tồn. Mô hình này thể hiện cách kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, phát triển và quản lý thích ứng trong bối cảnh đô thị hóa nhanh. Tuy nhiên, tại làng cổ Dangjia (Thiểm Tây – Trung Quốc), nghiên cứu cho thấy quá trình phát triển du lịch đã làm thay đổi cơ cấu không gian và chức năng của làng. Nếu ban đầu làng do cộng đồng tự tổ chức phát triển du lịch, thì về sau vai trò quản lý chuyển sang chính quyền địa phương. Việc thiếu sự tham gia của cư dân khiến cho không gian di sản bị “bỏ trống”, làm giảm giá trị cảm nhận của khách tham quan [9]. Từ trường hợp này, bài học rút ra là cần kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền – cộng đồng – nhà đầu tư, tránh thương mại hoá di sản mà không có sự đồng thuận và hưởng lợi công bằng.

Làng cổ Liukeng ở Giang Tây là một ví dụ đặc sắc về sự đan xen giữa kiến trúc, tôn ti dòng họ, phong thủy, nghi lễ và hệ sinh thái nhân văn. Việc bảo tồn ở đây không chỉ là gìn giữ vật thể (như nhà cổ, đình chùa, cổng đá), mà còn là việc duy trì sinh hoạt cộng đồng, biểu tượng văn hoá, nghệ thuật trang trí dân gian. Các giải pháp như “bảo tồn tích hợp”, “chấp nhận chọn lọc hợp lý” được đề xuất nhằm giữ gìn sự nguyên vẹn của cảnh quan và hệ giá trị truyền thống [18].

(2) Mô hình quản lý, bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ lấy cộng đồng làm trung tâm kết hợp khung pháp lý

Nghiên cứu tại Shirakawa-go là một ngôi làng cổ miền núi ở Nhật Bản, nổi tiếng với các nhà mái tranh Gassho-zukuri và được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới. Chính quyền nơi đây đã quản lý cảnh quan làng cổ bằng cách đặt cộng đồng là hạt nhân (“living heritage”) và áp dụng khung pháp lý hệ thống chính sách – pháp luật bảo tồn di sản của Nhật Bản (Legal Protection and Conservation Policy-LPCP), hình thành từ Luật bảo vệ di sản văn hoá (1950), được triển khai đa tầng (quốc gia – địa phương – cộng đồng) và là công cụ nền tảng trong quản lý cảnh quan làng cổ Shirakawa-go theo khung HUL. Điểm cốt lõi của LPCP là tích hợp bảo tồn

vào phát triển cộng đồng địa phương. Chính quyền trung ương và địa phương có trách nhiệm hỗ trợ cộng đồng thực hiện bảo tồn, trong khi cộng đồng có quyền đồng quản lý và ra quyết định về các vấn đề di sản. LPCP cũng đặt ra khung pháp lý kiểm soát thay đổi tại khu lõi và vùng đệm, bảo đảm kiến trúc truyền thống và cảnh quan không bị xâm hại bởi phát triển du lịch hoặc đô thị hóa [7].

(3) Mô hình quản lý, bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ có sự tham gia của cộng đồng trong đồng quản trị kết hợp công nghệ số

Bisotun thuộc tỉnh Kermanshah- Iran là một Di sản Thế giới được UNESCO công nhận vào năm 2006, là trường hợp nghiên cứu điển hình về huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý di sản. Nasrolahi và cộng sự (2022) [24] đã đề xuất một mô hình và công cụ số “iCommunity” – một nền tảng kỹ thuật số được thiết kế nhằm tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình quản lý và ra quyết định bảo tồn cảnh quan di sản. Công cụ số “iCommunity” vận hành theo nguyên tắc người dân thu thập phản hồi, tích hợp vào các bước quản lý, bảo tồn, cộng đồng trực tiếp theo dõi các thuộc tính di sản tăng minh bạch và tính chịu trách nhiệm.

Mô hình nhấn mạnh đồng quản trị giữa cơ quan quản lý – chuyên gia – cộng đồng; công cụ số đóng vai trò cầu nối và ghi nhận trực quan hóa ý kiến. Mô hình phù hợp tinh thần HUL (Historic Urban Landscape) ở việc “tham gia nhiều bên trong quản lý không gian cảnh quan di sản dựa trên bằng chứng số hóa”.

(4) Mô hình quản lý, bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ dựa vào đồng quản trị, thiết lập mạng lưới cộng đồng kết hợp quản trị thích ứng hệ sinh thái – văn hoá bản địa

Nghiên cứu tại Làng cổ Budj Bim – Australia là một ví dụ tiêu biểu về quản lý không gian kiến trúc – cảnh quan theo tiếp cận HUL, trong đó cộng đồng bản địa giữ vai trò trung tâm [8]. Không gian kiến trúc cảnh quan tại Budj Bim được xem như một “cảnh quan sống”, nơi di sản vật thể và phi vật thể được duy trì song hành. Khung pháp lý đa tầng từ liên bang đến địa phương cho phép kiểm soát chặt chẽ không gian xây dựng, bảo vệ hệ sinh thái và

giới hạn phát triển không phù hợp. Việc kết hợp công cụ quản trị hiện đại với tập quán truyền thống giúp duy trì tính toàn vẹn cảnh quan và bản sắc văn hóa.

Mô hình quản trị tại bang Victoria được xây dựng trên nền tảng đồng quản lý giữa chính quyền bang Victoria và chính quyền cộng đồng người Gunditjmarra, đảm bảo quyền chủ động của người Gunditjmarra trong bảo tồn di sản [25]. Đây là minh chứng cho hiệu quả của tiếp cận HUL trong quản lý cảnh quan bản địa, vừa bảo tồn di sản vừa đảm bảo phát triển bền vững.

Tại Viscari-Romania, di sản kiến trúc và cảnh quan làng được quản lý thông qua cơ chế đồng quản lý (co-management) giữa cộng đồng cư dân, chính quyền địa phương và tổ chức bảo tồn. Người dân địa phương đóng vai trò trung tâm: họ trực tiếp tham gia vào bảo tồn nhà truyền thống, cung cấp dịch vụ du lịch (lưu trú, ẩm thực, hướng dẫn), và quyết định các hoạt động phát triển trong làng. Chính quyền giữ vai trò hỗ trợ về pháp lý, quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật, còn các tổ chức phi lợi nhuận như Mihai Eminescu Trust (MET) đảm nhiệm vai trò tư vấn, đào tạo và huy động nguồn lực quốc tế. Mô hình này giúp liên kết bảo tồn di sản với phát triển sinh kế, duy trì tính xác thực của làng, tăng khả năng tự chủ của cộng đồng và đảm bảo lợi ích phân phối công bằng. Cấu trúc quản lý mang tính mạng lưới, khuyến khích cộng đồng cùng ra quyết định với chính quyền thay vì bị áp đặt từ trên xuống. Đây cũng là một ví dụ thành công của ứng dụng tiếp cận HUL (Historic Urban Landscape) ở nông thôn, nơi di sản sống động được bảo tồn thông qua hoạt động kinh tế – xã hội thực tế hàng ngày [4, 6].

Tại Việt Nam

Các làng cổ truyền thống như Đường Lâm, Phước Tích, Phong Nam... mang cấu trúc “cảnh quan văn hóa sống”, nơi giá trị vật thể – phi vật thể hòa quyện trong đời sống sản xuất, tín ngưỡng và không gian cư trú. Đặc trưng này đòi hỏi mô hình quản lý phải đề cao tri thức bản địa và sự tham gia thực chất của người dân, vì họ là lực lượng duy trì các nghi lễ, tập quán và mô hình tổ chức xã hội [26]. Bảo tồn làng cổ không chỉ dừng ở việc tu bổ kiến trúc mà phải gắn với sinh kế và lợi ích cộng đồng

nhằm đảm bảo tính bền vững.

Nghiên cứu của Nguyễn Thành Công (2023) [12, 16], dù trọng tâm là phân tích chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ vùng Đông Nam Bộ, tác giả nhấn mạnh: việc giữ gìn cấu trúc tổng thể của làng, nhà ở, không gian sản xuất, không gian sinh hoạt cộng đồng... chỉ có thể thành công nếu có sự tham gia chủ động của cư dân địa phương, trong vai trò “chủ thể chính trong việc bảo tồn và phát huy giá trị”. Ngoài ra, bài viết nêu rõ: các giải pháp quy hoạch, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông, cây xanh... phải được thiết kế sao cho người dân cảm thấy mình được hưởng lợi và được tham gia vào quá trình ra quyết định, nhằm tạo ra cảm giác sở hữu và gắn bó với không gian làng cổ.

Nghiên cứu của Phan Bảo An và cộng sự (2023) [13] chỉ rõ người dân là chủ thể chính trong việc gìn giữ bản sắc cộng đồng, do vậy cần nâng cao nhận thức của người dân, khơi dậy lòng tự hào về di sản làng quê mình. Các giải pháp cụ thể như: phục hồi không gian cây xanh, đường làng, lũy tre, cảnh quan cánh đồng, hệ thống đường bao quanh làng tạo “làng trong phố, phố trong làng”. Người dân được tham gia trực tiếp vào quy hoạch và triển khai. Bài viết cũng nêu rằng, để cộng đồng tham gia hiệu quả, phải bảo đảm điều kiện kinh tế và thu nhập của người dân, để họ không chỉ là đối tượng bị bảo tồn mà là người hưởng lợi và đồng hành trong bảo tồn.

Tác giả Nguyễn Văn Tuyên (2022) [19] phân tích mô hình tổ chức không gian du lịch làng cổ Phước Tích dựa trên hệ nhà vườn cổ, đề cập vai trò của Ban Quản lý làng cổ và các hộ chủ nhà vườn trong việc cùng xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng, từ đó hàm ý một dạng đồng quản lý cảnh quan làng cổ. Tại Phước Tích phát triển du lịch cộng đồng thông qua các mô hình về lưu trú nhà dân (homestays), tham quan di tích lịch sử văn hóa và tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề thủ công, giải trí, nghỉ dưỡng... Tác giả nhận định chọn mô hình phát triển du lịch cộng đồng dựa vào di sản văn hóa là hướng đi đúng, nhằm phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa và các làng nghề truyền thống trên địa bàn. Tổ chức hoạt động du lịch có sự tham gia của cộng đồng địa phương sẽ mang lại

lợi ích chung cho người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, cảnh quan di tích. Người dân có quyền và nghĩa vụ tham gia vào các hoạt động du lịch và hưởng lợi ích hợp pháp từ nguồn thu du lịch.

3.3. Định hướng quản lý và bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ tại Việt Nam có sự tham gia của cộng đồng

Tiếp cận quản lý làng cổ tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn – phát triển – sinh kế, trong đó cộng đồng dân cư giữ vai trò trung tâm. Dựa trên khung lý thuyết HUL, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn quản lý các làng cổ trong nước, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau tập trung vào sự tham gia của cộng đồng:

(1) Đồng quản lý giữa chính quyền – cộng đồng – doanh nghiệp

Xây dựng cơ chế đồng quản lý giữa chính quyền – cộng đồng – doanh nghiệp, trong đó người dân tham gia trực tiếp vào các hoạt động: lập kế hoạch bảo tồn, giám sát xây dựng, vận hành các dịch vụ du lịch. Thành lập tổ tự quản lý làng cổ, gồm đại diện các thôn, nghề nhân, chủ nhà cổ, tổ chức xã hội và chính quyền. Thành lập Ban Quản lý di tích tại địa phương với sự tham gia của đại diện dòng họ, người cao tuổi, nghề nhân và các hộ dân tạo ra “cơ chế đồng quản lý”, giúp tăng tính minh bạch trong tu bổ, cấp phép xây dựng và tổ chức hoạt động du lịch. Mô hình này giúp giảm xung đột lợi ích, đồng thời tạo sự thống nhất trong quản lý, bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ.

(2) Lồng ghép sinh kế cộng đồng vào bảo tồn

Việc quản lý, bảo tồn thành công kiến trúc cảnh quan làng cổ khi người dân trực tiếp hưởng lợi từ hoạt động du lịch và dịch vụ văn hóa. Mô hình tổ chức không gian kiến trúc kết hợp dịch vụ du lịch cộng đồng các hộ gia đình có thể tham gia làm homestay, dịch vụ ẩm thực bản địa, trải nghiệm nghề truyền thống. Điều này vừa tăng thu nhập, vừa khuyến khích họ bảo vệ không gian nhà cổ như một tài sản văn hóa – kinh tế.

(3) Cộng đồng tham gia vào quy hoạch và giám sát

Cộng đồng được tham gia họp lấy ý kiến quy hoạch, được tham gia khảo sát nhu cầu, lập danh mục nhà truyền thống ưu tiên bảo tồn,

tham gia và giám sát việc tuân thủ các quy định quản lý, bảo tồn kiến trúc cảnh quan. Cộng đồng có vai trò trong kiểm soát xây dựng mới, cải tạo và chỉnh trang không gian làng cổ. Đây là bước tiến quan trọng hướng tới mô hình quản trị di sản dựa trên “đồng thuận xã hội”.

(4) Cơ chế hỗ trợ chính sách và nâng cao năng lực cho cộng đồng

Cần thiết lập khung chính sách khuyến khích hộ dân bảo tồn nhà cổ thông qua hỗ trợ tài chính, miễn giảm thuế cho cơ sở dịch vụ du lịch tại làng cổ, và các khóa tập huấn đào tạo kỹ năng du lịch, quản lý dịch vụ, hướng dẫn viên cộng đồng, quản lý môi trường, truyền thông di sản. Khi người dân có năng lực, họ trở thành tác nhân chủ động thay vì chỉ là đối tượng chịu sự quản lý. Xây dựng quỹ hỗ trợ tu bổ nhà cổ từ các nguồn: nhà nước, doanh nghiệp, du lịch; đảm bảo người dân hưởng lợi trực tiếp từ di sản. Xây dựng các nền tảng phản hồi số của cộng đồng để quản lý và tiếp nhận ý kiến người dân.

(5) Nhóm giải pháp về bảo tồn giá trị văn hóa – xã hội

Bảo tồn sinh hoạt cộng đồng, lễ hội, văn hóa phi vật thể; tái hiện không gian sinh hoạt truyền thống một cách sống động. Khuyến khích cộng đồng tham gia trực tiếp vào hoạt động bảo tồn nghề truyền thống, phục hồi không gian sản xuất – nông nghiệp – thủ công. Hệ thống giải pháp này nhằm đảm bảo rằng bảo tồn không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật mà trở thành quá trình xã hội có sự đồng thuận và tham gia rộng rãi.

4. KẾT LUẬN

Tiếp cận quản lý và bảo tồn kiến trúc cảnh quan làng cổ dựa trên khung Cảnh quan đô thị lịch sử (HUL) kết hợp đồng quản lý, trong đó nhấn mạnh sự tham gia của cộng đồng là hướng tiếp cận phù hợp trong bối cảnh các làng cổ là những “cảnh quan văn hóa sống”. Phân tích thực tiễn từ các làng cổ trên thế giới như Shirakawa-gō (Nhật Bản), Viscri (Romania), Tangfang, Hongcun... (Trung Quốc) hay Budj Bim (Úc)... cho thấy sự tham gia của cộng đồng là điều kiện quyết định tính sống động và tính xác thực của cảnh quan văn hóa sống, bảo tồn làng cổ chỉ bền vững khi cộng đồng đóng vai trò trung tâm trong quản trị, giám sát và hưởng lợi từ di sản. Trong bối cảnh Việt Nam, nhu cầu chuyển đổi mô hình quản lý theo hướng đồng

quản trị nhiều bên, nhấn mạnh vai trò của cộng đồng, gắn bảo tồn với sinh kế và nâng cao năng lực cộng đồng là cần thiết để hạn chế các tác động của đô thị hóa và du lịch hóa. Từ nền tảng lý luận và các trường hợp nghiên cứu, bài báo đề xuất 05 nhóm giải pháp gồm: (1) xây dựng cơ chế đồng quản lý; (2) lồng ghép sinh kế cộng đồng vào bảo tồn; (3) tăng cường tham gia cộng đồng trong quy hoạch và giám sát; (4) hoàn thiện chính sách và nâng cao năng lực cộng đồng; (5) bảo tồn giá trị văn hóa – xã hội của làng cổ. Những định hướng này cho thấy cách tiếp cận dựa vào cộng đồng không chỉ tạo đồng thuận xã hội mà còn đảm bảo duy trì tính xác thực, toàn vẹn và phát triển bền vững cho các làng cổ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. UNESCO (2011). Recommendation on the Historic Urban Landscape.
- [2]. Aymar F. (2024). The resilience of cultural landscapes: perspectives from UNESCO World Heritage sites (Springer Geography). Springer.
- [3]. Bandarin F. & Van Oers R. (2012). The Historic Urban Landscape: Managing Heritage in an Urban Century. Wiley.
- [4]. Iorio M. & Corsale A. (2014). Community-based tourism and networking: Viscri, Romania. Journal of Sustainable Tourism. 22(2): 234-255. <https://doi.org/10.1080/09669582.2013.802327>.
- [5]. Nguyễn Đỗ Hạnh, Lê Thành Vinh & Phạm Đình Việt (2015). Định hướng nâng cao chất lượng hoạt động bảo tồn di sản kiến trúc đô thị Việt Nam – giai đoạn 2016 – 2020. Tạp chí Kiến trúc. Truy cập từ: <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/dinh-huong-nang-cao-chat-luong-hoat-dong-bao-ton-di-san-kien-truc-thi-viet-nam-giai-doan-2016-2020>
- [6]. UNESCO World Heritage Centre (2013). Management Plan: Villages with Fortified Churches in Transylvania.
- [7]. Singh R. P. & Fukunaga M. (2017). The world heritage villages of Shirakawa-Gō and Gokayama, Japan: Continuing culture and meeting modernity. International Summer School-“Cultural Landscape & Sustainable Urban Regeneration. Special Lecture. 3: 129-150.
- [8]. UNESCO World Heritage Centre (2019). Budj Bim Cultural Landscape. <https://whc.unesco.org/en/list/1577/>.
- [9]. Guo G. & Sun L. (2016). The planning, development and management of tourism: The case of Dangjia, an ancient village in China. Tourism Management. 56: 52-62. <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2016.03.017>.
- [10]. Ma X. & Sun J. (2024). A Study of Historic Urban Landscape Change Management Based on Layered Interpretation: A Case Study of Dongxi Ancient Town. Land. 13(12): 2116.
- [11]. Wang H. & Min Z. (2015). Study on the Inheritance of Landscape Culture in Traditional Ancient Villages of Jiangxi: A Case Study of Ancient Liukeng Village in Lean County, Jiangxi Province. Journal of Landscape Research. 7(2): 64-66, 70.
- [12]. Nguyễn Thành Công (2023). Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc làng cổ vùng Đông Nam Bộ. Tạp chí Kiến trúc. 243: 76-77.
- [13]. Phan Bảo An & Đỗ Như Bảo (2023). Đề xuất các giải pháp tạo lập không gian kiến trúc bền vững cho cộng đồng cư dân làng cổ Phong Nam. Tạp chí Kiến trúc. 11: 60-65.
- [14]. Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (2018). Bảo tồn Làng cổ Phước Tích gắn với phát triển du lịch bền vững.
- [15]. Taylor K. (2014). The Historic Urban Landscape. Managing Heritage in an Urban Century. Landscape Research. 39.
- [16]. Nguyễn Thành Công (2023). Bảo tồn và phát huy các giá trị kiến trúc - cảnh quan làng cổ Phú Hội trong tiến trình phát triển. Tạp chí Kiến trúc. 6: 52-55.
- [17]. Nguyễn Hoài Thu (2021). Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan nhà ở nông thôn kết hợp dịch vụ du lịch tại làng cổ Đường Lâm. Tạp chí Kiến trúc. 7: 72-75.
- [18]. Li T. (2024). Optimization of Heritage Management Mechanisms through the Prism of Historic Urban Landscape: A Case Study of the Xidi and Hongcun World Heritage Sites. Sustainability. 16(12): 5136. DOI: 10.3390/su16125136.
- [19]. Nguyễn Văn Tuyên (2022). Tổ chức không gian phát triển du lịch làng cổ Phước Tích, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng. 16(4V): 206-218.
- [20]. ICOMOS (1994). The Nara Document on Authenticity.
- [21]. ICOMOS Australia (2013). The Burra Charter.
- [22]. Li J., Wang J. & Li X. (2024). Heritage Value Assessment and Landscape Preservation of Traditional Chinese Villages Based on the Daily Lives of Local Residents: A Study of Tangfang Village in China and the UNESCO HUL Approach. Land. 13(9): 1535.
- [23]. Cunha Ferreira T., Rey-Pérez J., Pereira Roders, A., Tarrafa Silva A., Coimbra I. & Breda Vazquez I. (2023). The Historic Urban Landscape Approach and the Governance of World Heritage in Urban Contexts: Reflections from Three European Cities. Land. 12(5): 1020. DOI: 10.3390/land12051020.
- [24]. Nasrolahi A., Messina V. & Gena C. (2022). A Model and Tool for Community Engagement Case Study: Community Engagement in the Bisotun World Heritage Site. <https://arxiv.org/pdf/2207.02353>
- [25]. Gunditj Mirring Traditional Owners Aboriginal Corporation (2007). Co-operative Management Agreement.
- [26]. Tu Thi Loan (2019). Cultural Heritage in Vietnam With the Requirements of Sustainable Development. International Relations and Diplomacy. 7(4): 172-187.